

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 32

5
S
2
H
.
4
51
N
N
Á
T
P H

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Số: 19.566/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 12 năm 2019 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KÝ TÓNG GIÁM ĐỐC




Lục Thị Vân

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1

Lê Võ Thùy Linh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3525-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/10/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.285.862.891	137.703.807.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.344.948.167	3.973.188.573
1. Tiền	111	4.1	2.344.948.167	3.973.188.573
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.440.525.747	47.867.852.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	54.075.396.117	33.544.021.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		767.925.466	2.393.964.584
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	816.683.611	13.161.846.064
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.219.479.447)	(1.231.979.784)
III. Hàng tồn kho	140		82.567.147.387	73.603.383.998
1. Hàng tồn kho	141	4.6	82.567.147.387	73.603.383.998
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.933.241.590	12.259.383.098
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	3.322.887.319	2.056.533.657
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.019.427.571	9.611.922.741
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	590.926.700	590.926.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.087.102.021	84.317.456.428
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448.840.000	448.840.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		448.840.000	448.840.000
II. Tài sản cố định	220		54.632.062.268	57.553.965.524
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	54.434.283.123	57.418.740.646
Nguyên giá	222		86.301.392.448	94.756.911.161
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.867.109.325)	(37.338.170.515)
2. Tài sản cố định vô hình	227		197.779.145	135.224.878
Nguyên giá	228		530.484.000	398.315.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(332.704.855)	(263.090.122)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.419.146.826
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.419.146.826
IV. Tài sản dài hạn khác	260		28.006.199.753	23.895.504.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	28.006.199.753	23.895.504.078
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		242.372.964.912	222.021.264.118

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/10/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		177.684.445.640	158.318.501.156
I. Nợ ngắn hạn	310		144.196.027.014	119.666.898.098
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	58.258.606.475	47.738.887.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		646.372.515	2.585.384.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.931.616.069	2.053.956.632
4. Phải trả người lao động	314		883.579.000	840.849.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		822.699.237	1.007.525.064
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	80.965.454.342	64.981.278.473
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		687.699.376	459.017.738
II. Nợ dài hạn	330		33.488.418.626	38.651.603.058
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	33.488.418.626	38.651.603.058
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.688.519.272	63.702.762.962
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	64.688.519.272	63.702.762.962
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.569.327.142	1.356.558.615
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.685.756.310	7.912.768.527
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	6.043.169.613
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.685.756.310	1.869.598.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		242.372.964.912	222.021.264.118



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	397.097.905.494	420.918.636.901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30.164.546	58.119.821
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		397.067.740.948	420.860.517.080
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	352.887.442.137	386.733.532.240
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.180.298.811	34.126.984.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	495.704.186	762.200.407
7. Chi phí tài chính	22	5.4	12.000.432.397	6.539.511.958
Trong đó, chi phí lãi vay	23		11.533.663.827	6.109.521.102
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	21.518.324.247	15.258.689.714
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	13.546.613.161	11.437.371.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.389.366.808)	1.653.611.879
11. Thu nhập khác	31	5.7	4.080.573.357	1.313.909.935
12. Chi phí khác	32		5.450.239	2.646.062
13. Lợi nhuận khác	40		4.075.123.118	1.311.263.873
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.685.756.310	2.964.875.752
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	1.095.276.838
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.685.756.310	1.869.598.914
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.12.4	186	221



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.685.756.310	2.964.875.752
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	10.602.197.975	7.398.443.718
Các khoản dự phòng	03	5.6	(12.500.337)	(70.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.963.555)	(21.108.160)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.710.333.647)	(1.203.694.720)
Chi phí lãi vay	06	5.4	11.533.663.827	6.109.521.102
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		20.085.820.573	15.178.037.692
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.719.805.243)	13.379.430.838
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.963.763.389)	(5.042.603.721)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.064.482.073	11.595.613.711
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(5.377.049.337)	(23.291.139.601)
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.533.663.827)	(6.109.521.102)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(979.707.660)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(92.075.612)	(241.282.262)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.536.054.762)	4.488.827.895
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.828.567.400)	(38.369.867.832)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.925.473.448	1.197.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.921.882	6.694.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.897.172.070)	(37.166.173.112)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	379.589.169.267	338.404.290.479
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(368.813.167.728)	(308.884.077.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.776.001.539	29.520.212.906
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(1.657.225.293)	(3.157.132.311)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.973.188.573	7.109.332.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.984.887	20.987.912
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	2.344.948.167	3.973.188.573



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 13 tháng 09 năm 2018 để thay đổi chức danh người đại diện pháp luật là ông Trần Tuấn Minh từ chức danh Giám đốc sang chức danh Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 là 244 người (30 tháng 09 năm 2018 là 244).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 09 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy Chi Nhánh Công ty CP Minh Hữu Liên – Long An	Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 09 năm nay (dưới đây gọi tắt là "Năm nay").

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 08 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí lương tháng 13. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 7671307206 do Ban quản lý khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 12 năm 2017 và thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 08 năm 2018, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới là dự án: Nhà máy chi nhánh Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên – Long An.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Bán nội địa: 10%
- Xuất khẩu: 0%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/09/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Tiền mặt	1.923.709.266	914.017.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	421.238.901	3.059.171.149
Cộng	2.344.948.167	3.973.188.573

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là số dư tiền gửi ngân hàng Techcombank có kỳ hạn 4 tháng, lãi suất 5,1%/ năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/09/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Harbor Freight Tools	16.712.216.331	8.816.389.438
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	1.246.534.263	2.082.629.950
Công ty TNHH TM Thép Tân Tiến	10.025.405.089	5.029.338
Các khách hàng khác	26.091.240.434	22.639.972.431
Cộng	54.075.396.117	33.544.021.157

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2019 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	805.883.611	-	822.239.157	-
Thuế GTGT chờ được hoàn	-	-	12.291.906.909	-
Ký quỹ, ký cược	10.800.000	-	47.699.998	-
Cộng	816.683.611	-	13.161.846.064	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/09/2019 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.219.479.447	-	1.231.979.784	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khách hàng này đã mất khả năng thanh toán.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2019 VND			Tại ngày 01/10/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Quyền Hưng	401.230.064	-	> 3 năm	401.230.064	-	> 3 năm
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A - XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	-	> 3 năm	224.887.040	-	> 3 năm
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	-	> 3 năm	180.120.000	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	413.242.343	-	> 3 năm	425.742.680	-	> 3 năm
Cộng	1.219.479.447	-		1.231.979.784	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2019 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.061.237.744	-	18.012.059.613	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.911.450.286	-	546.730.050	-
Thành phẩm	47.457.538.575	-	44.421.233.522	-
Hàng hóa	7.136.920.782	-	10.623.360.813	-
Cộng	82.567.147.387	-	73.603.383.998	-

Giá trị hàng tồn kho cuối năm là 44.087.568.262 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay - Xem thêm mục 4.11.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Búi Bàng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2018	38.245.940.773	51.543.856.828	4.602.005.541	365.108.019	94.756.911.161
Mua trong năm	-	10.491.884.400	204.514.000	-	10.696.398.400
XDCB dở dang hoàn thành	2.419.146.826	-	-	-	2.419.146.826
Tặng khác	-	364.757.250	-	532.260.000	897.017.250
Thanh lý, nhượng bán	(775.086.961)	(21.692.994.228)	-	-	(22.468.081.189)
Tại ngày 30/09/2019	39.890.000.638	40.707.504.250	4.806.519.541	897.368.019	86.301.392.448
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2018	409.243.928	34.647.094.292	1.932.862.787	348.969.508	37.338.170.515
Khấu hao trong năm	3.997.878.170	5.745.223.999	677.519.236	111.961.837	10.532.583.242
Thanh lý, nhượng bán	(418.122.034)	(15.585.522.398)	-	-	(16.003.644.432)
Tại ngày 30/09/2019	3.989.000.064	24.806.795.893	2.610.382.023	460.931.345	31.867.109.325
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2018	37.836.696.845	16.896.762.536	2.669.142.754	16.138.511	57.418.740.646
Tại ngày 30/09/2019	35.901.000.574	15.900.708.357	2.196.137.518	436.436.674	54.434.283.123

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 54.434.283.123 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.537.803.021 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/09/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	2.354.030.000	600.568.464
Chi phí thuê nhà	175.000.000	175.000.000
Các khoản khác	793.857.319	1.280.965.193
Cộng	3.322.887.319	2.056.533.657
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh – Xem thêm mục 8	22.040.955.896	22.606.108.616
Công cụ dụng cụ	5.031.981.964	604.070.369
Các khoản khác	933.261.893	685.325.093
Cộng	28.006.199.753	23.895.504.078

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh tại ngày 30/09/2019 là 22.040.955.896 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2019 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9	400.000.000	400.000.000	217.306.000	217.306.000
Phải trả cho các bên thứ ba:				
Công ty CP Tập đoàn Thiên Quang	19.841.241.150	19.841.241.150	28.839.981.694	28.839.981.694
Công ty TNHH MTV SX TM DV An Sơn	12.796.790.016	12.796.790.016	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	25.220.575.309	25.220.575.309	18.681.599.321	18.681.599.321
Cộng	58.258.606.475	58.258.606.475	47.738.887.015	47.738.887.015

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIỄN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/09/2019 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.669.180	-	-	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.849.217.361	-	-	-	1.849.217.361
Thuế thu nhập cá nhân	-	78.729.528	385.232.663	507.573.226	-	201.070.091
Các loại thuế khác	590.926.700	-	-	-	590.926.700	-
Cộng	590.926.700	1.931.616.069	385.232.663	507.573.226	590.926.700	2.053.956.632

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIỄN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2019		Trong năm		Tại ngày 01/10/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay	73.456.515.900	73.456.515.900	337.364.039.467	324.795.792.676	60.888.269.109	60.888.269.109
Vay dài hạn đến hạn trả	7.508.938.442	7.508.938.442	7.725.131.216	4.354.192.036	4.093.009.364	4.093.009.364
Cộng	80.965.454.342	80.965.454.342	345.089.170.683	329.149.984.712	64.981.278.473	64.981.278.473
Dài hạn:						
Vay	33.488.418.626	33.488.418.626	42.225.129.800	47.388.314.232	38.651.603.058	38.651.603.058
Cộng	33.488.418.626	33.488.418.626	42.225.129.800	47.388.314.232	38.651.603.058	38.651.603.058
Tổng cộng	114.453.872.968	114.453.872.968	387.314.300.483	376.538.298.944	103.632.881.531	103.632.881.531

Vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (bình quân 9,5%/năm đối với các khoản vay VND và 5,2%/năm đối với các khoản vay USD) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty. – Xem thêm mục 4.6 và 4.7.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 4.6, 4.7 và 4.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIẾN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Búi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/10/2017	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	62.533.164.048
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.869.598.914
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)
Số dư tại ngày 01/10/2018	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	63.702.762.962
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.685.756.310
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	7.212.768.527	(7.212.768.527)
Số dư tại ngày 30/09/2019	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	8.569.327.142	64.688.519.272

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/09/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	13.328.680.000
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	24.506.380.000	12.582.920.000
Vốn góp của các đối tượng khác	16.474.170.000	28.397.630.000
Cộng	54.309.230.000	54.309.230.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/10/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.685.756.310	1.869.598.914
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lãi để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	985.756.310	1.169.598.914
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.288.623	5.288.623
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	186	221

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/10/2018
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ (USD)	6.566,64	19.510,62

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	51.862.246.889	69.256.489.044
Doanh thu bán thành phẩm	344.755.658.605	350.805.157.232
Doanh thu hoạt động khác	480.000.000	856.990.625
Cộng	397.097.905.494	420.918.636.901

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.170.635.600	70.594.858.179
Giá vốn của thành phẩm đã bán	300.116.806.537	315.476.174.061
Giá vốn hoạt động khác	600.000.000	662.500.000
Cộng	352.887.442.137	386.733.532.240

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.921.882	6.694.720
Lãi chênh lệch tỷ giá	489.782.304	734.517.775
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	20.987.912
Cộng	495.704.186	762.200.407

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	11.533.663.827	6.109.521.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá	466.768.570	429.990.856
Cộng	12.000.432.397	6.539.511.958

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.735.456.190	5.003.553.755
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.258.652.307	969.465.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.390.840	134.478.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.669.597.553	7.541.009.499
Các khoản chi phí khác	725.227.357	1.610.182.390
Cộng	21.518.324.247	15.258.689.714

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.508.526.608	4.925.748.783
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.563.958.675	2.446.725.029
Chi phí dự phòng	(12.500.337)	(70.000.000)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	783.259.942	582.548.660
Thuế phí, lệ phí	71.210.682	97.753.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.891.626.809	2.794.105.726
Chi phí bằng tiền khác	740.530.782	660.490.316
Cộng	13.546.613.161	11.437.371.696

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.704.411.765	1.197.000.000
Thu nhập khác	376.161.592	116.909.935
Cộng	4.080.573.357	1.313.909.935

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	319.535.548.745	364.714.817.495
Chi phí nhân công	38.176.462.226	35.482.939.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.602.197.975	7.398.443.718
Chi phí dự phòng	(12.500.337)	(70.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.995.503.270	12.284.314.286
Chi phí khác bằng tiền	4.056.192.955	4.024.792.294
Cộng	398.353.404.834	423.835.307.663

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	1.685.756.310	2.964.875.752
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.241.251.271	2.511.508.436
Trừ: Các khoản thu nhập được miễn thuế	(8.253.149.924)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	-	5.476.384.188
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	-	1.095.276.838
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.095.276.838

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có đầy đủ chứng từ theo quy định.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	379.589.169.267	338.404.290.479

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	368.813.167.728	308.884.077.573

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	247.494	270.986	149.574	149.874	397.068	420.861
Cộng	247.494	270.986	149.574	149.874	397.068	420.861

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận	10.937	3.142	33.243	30.985	44.180	34.127
CP không phân bổ	-	-	-	-	(30.990)	(25.385)
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	496	762
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(12.000)	(6.540)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	1.686	2.960
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	(1.095)

Lợi nhuận sau thuế					1.686	1.869
---------------------------	--	--	--	--	--------------	--------------

Các thông tin khác

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2019 Triệu đồng	01/10 2018 Triệu đồng	30/09 2019 Triệu đồng	01/10 2018 Triệu đồng	30/09 2019 Triệu đồng	01/10 2018 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận	35.545	22.659	18.531	10.885	54.076	33.544
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	188.298	188.477
Tổng tài sản					242.374	222.021
Nợ phải trả của bộ phận	49.928	42.244	8.331	5.495	58.259	47.739
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	119.426	110.580
Tổng nợ phải trả					177.685	158.319

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	10.829	38.370	-	-	10.829	38.370
Chi phí khấu hao	10.602	7.398	-	-	10.602	7.398

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê quyền sử dụng đất tại KCN Phú An Thạnh theo Hợp đồng thuê hoạt động số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17 tháng 08 năm 2017. Hợp đồng thuê có thời hạn đến ngày 19 tháng 09 năm 2057, với tiền thuê được trả một lần vào thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 4.8.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/09/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phải trả người bán – Xem thêm mục 4.9	400.000.000	(217.306.000)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phí thuê kho	16.080.945.000	11.739.937.724
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	300.000.000	360.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	940.615.000	1.049.547.000
Cộng	1.240.615.000	1.409.547.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1 - 49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	168.000.000	168.000.000

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
3th Floor, 142 Xo Viet Nghe Tinh Street
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84236 363 3334
F +84236 363 3335



Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**Về việc: Giải trình biến động chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2019 so với kiểm toán năm 2018.**

Kính thưa Quý Cơ quan.

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán về việc giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước nếu có biến động từ 10% trở lên.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (mã CK: **MHL**), trụ sở chính đặt tại R1- 49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh xin được giải trình về sự biến động của chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2019 so với kiểm toán năm 2018, cụ thể:

§ Lợi nhuận sau thuế BCTC kiểm toán năm 2019:	1,685,756,310	đồng	
§ Lợi nhuận sau thuế BCTC kiểm toán năm 2018:	1,869,598,914	đồng	
Chênh lệch:	(183,842,604)	đồng	
Nguyên nhân do:			
- Các khoản làm tăng lợi nhuận từ:			
+ Giảm giá vốn hàng bán	33,846,090,103	đồng	
+ Giảm chi phí bán hàng		đồng	
+ Tăng thu nhập khác	2,766,663,422	đồng	
+ Giảm chi phí thuế TNDN	1,095,276,838	đồng	
Tổng cộng:	37,708,030,363	đồng	(1)
- Các khoản làm giảm lợi nhuận từ:			
+ Giảm doanh thu bán hàng và CCDV	23,792,776,132	đồng	
+ Giảm doanh thu hoạt động tài chính	266,496,221	đồng	
+ Tăng chi phí tài chính	5,460,920,439	đồng	
+ Tăng chi phí bán hàng	6,259,634,533	đồng	
+ Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp	2,109,241,465	đồng	
+ Tăng chi phí khác	2,804,177	đồng	
Tổng cộng:	37,891,872,967	đồng	
(1) – (2)	(183,842,604)	đồng	(2)

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên BCTC được kiểm toán năm 2019 so với BCTC được kiểm toán năm 2018.

Trân trọng,

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Giám đốc

TRẦN TẤN MINH